

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 03/2002/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 1 năm 2002

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ quản lý thu thuế đối với các cơ sở hoạt động khai thác thủy sản

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10 tháng 5 năm 1997 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/1997/QH9 ngày 10 tháng 5 năm 1997 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Pháp lệnh thuế tài nguyên ban hành ngày 16 tháng 4 năm 1998 và các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên;

Để phù hợp với đặc điểm hoạt động khai thác thủy, hải sản, sau khi có ý kiến của Bộ Thủy sản, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý thu thuế đối với các cơ sở khai thác thủy, hải sản tự nhiên như sau:

I- PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là cơ sở) trong nước và nước ngoài hoạt động đánh bắt thủy, hải sản tự nhiên (sau đây gọi chung là thủy sản) thuộc đối tượng nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế tài nguyên và các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của các Luật, Pháp lệnh thuế hiện hành là đối tượng áp dụng chế độ quản lý thu thuế hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Thông tư này không quy định đối với những trường hợp sau đây:

- Khai thác thủy sản nuôi trồng.
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản.
- Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác, kể cả các dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác thủy sản tự nhiên.

II- PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ PHẢI NỘP ĐỐI VỚI TỪNG CƠ SỞ KHAI THÁC THUỶ SẢN

1. Theo quy định của Luật, Pháp lệnh thuế hiện hành thì hoạt động khai thác thuỷ sản thuộc đối tượng áp dụng các chính sách thuế thuế môn bài, thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và thu khác (nếu có) theo quy định:

a) Thuế môn bài nộp một lần ngay từ đầu năm theo bậc môn bài căn cứ vào quy mô hoạt động của từng cơ sở khai thác.

b) Thuế tài nguyên, thuế GTGT, thuế TNDN và thu khác (nếu có) nộp theo số thực tế phát sinh theo định kỳ quy định, cụ thể:

- Đối với cơ sở khai thác thuỷ sản đã thực hiện đầy đủ, đúng chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ, xác định được chính xác sản lượng, doanh thu và chi phí hoạt động khai thác thì thực hiện tính và nộp thuế tài nguyên, thuế GTGT, thuế TNDN và thu khác (nếu có) theo số thực tế phát sinh được phản ánh trên sổ sách chứng từ kế toán theo quy định của Luật, Pháp lệnh thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Đối với cơ sở khai thác thuỷ sản chưa thực hiện đầy đủ, đúng chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ thì phải nộp thuế tài nguyên, thuế GTGT, thuế TNDN và thu khác (nếu có) theo mức thuế do cơ quan Thuế ấn định.

2. Phương pháp xác định mức thuế ấn định:

Để xác định được mức thuế tài nguyên, thuế GTGT và thuế TNDN ấn định đối với từng cơ sở khai thác thuỷ sản, cơ quan Thuế phải thực hiện:

2.1/ Xác định doanh thu tính thuế ấn định đối với từng cơ sở khai thác thuỷ sản:

Doanh thu tính thuế ấn định	=	Sản lượng khai thác thuỷ sản ấn định (kg)	x	Giá tính thuế (đ/kg)
--------------------------------	---	--	---	-------------------------

a) Để xác định được sản lượng khai thác thuỷ sản ấn định (gọi chung là sản lượng ấn định), cơ quan Thuế cần chủ động phối hợp với cơ quan Thuỷ sản và chính quyền địa phương cơ sở để thực hiện các công việc sau đây:

- Tổ chức điều tra thực tế 3 năm trước và năm tính thuế về năng lực khai thác thực tế của từng cơ sở, gồm: số đầu phương tiện, công suất (CV) phương tiện và ngư cụ

của từng nghề khai thác, năng suất khai thác thực tế, số lượng lao động khai thác, ngư trường khai thác, mùa vụ.v.v để dự kiến mức sản lượng khai thác trong kỳ tính thuế đối với từng loại phương tiện, từng cơ sở khai thác.

- Tổ chức họp với ngư dân để hướng dẫn, giải thích về chính sách thuế của nhà nước và thông báo mức sản lượng khai thác dự kiến trong kỳ để các cơ sở nhận xét, đề xuất mức sản lượng khai thác phù hợp, bảo đảm dân chủ, công bằng. Cuộc họp với cơ sở khai thác phải lập biên bản, có ký tên và ghi rõ họ tên đại diện cơ quan Thuế, cơ quan Thủy sản, chính quyền địa phương và cơ sở khai thác.

- Căn cứ vào kết quả cuộc họp với ngư dân và tham khảo thêm mức sản lượng khai thác ấn định của ngư trường địa phương tỉnh bạn (nếu có), Cục Thuế thống nhất với Sở Thủy sản trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương duyệt, quyết định và công bố mức sản lượng khai thác ấn định ổn định trong thời gian khoảng từ 3 năm - 5 năm để các cơ sở yên tâm khai thác (trừ trường hợp cơ sở có biến động tăng hoặc giảm từ 30% mức ấn định trở lên thì mới cần phải xem xét lại).

b) Giá tính thuế là giá bán thực tế bình quân từng loại thủy sản khai thác trong kỳ tính thuế tại thị trường địa phương.

Để bảo đảm giá tính thuế sát với giá cả thị trường, Cục Thuế phải thường xuyên phối hợp với các cơ quan liên quan ở địa phương (Sở Tài chính Vật Giá, Sở Thủy sản.v.v.) để khảo sát giá cả thị trường, đề xuất mức giá tính thuế phù hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định giá tính thuế đối với thủy sản khai thác ở địa phương và công bố để ngư dân thực hiện.

Đối với những tỉnh, thành phố có cùng ngư trường khai thác thì trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá tính thuế, các Cục Thuế cần có sự trao đổi để có sự thống nhất về giá tính thuế, vừa bảo đảm sự đóng góp công bằng, vừa để chống thất thu ngân sách. Trường hợp giá cả thủy sản trên thị trường biến động (tăng, giảm) từ 20% trở lên thì phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

2.2/ Xác định tỷ lệ (%) số thuế phải nộp trên doanh thu (gọi chung là tỷ lệ % thuế phải nộp) áp dụng đối với từng cơ sở khai thác thủy sản:

Để đơn giản trong khâu tính, nộp thuế đối với cơ sở khai thác thủy sản và làm căn cứ để ngân sách nhà nước hạch toán khoản thu theo quy định của mục lục ngân sách nhà nước, yêu cầu phải xác định tỷ lệ (%) tổng số thuế phải nộp (gồm các khoản thuế tài nguyên, thuế GTGT và thuế TNDN) và tỷ lệ % từng khoản thuế phải nộp trên doanh thu theo công thức sau đây:

		Số thuế phải nộp
Tỷ lệ (%) số thuế phải nộp	=	
		Doanh thu

a) Số thuế phải nộp đối với từng khoản thuế được xác định như sau:

- Thuế tài nguyên, bằng (=) sản lượng thủy sản khai thác ấn định, nhân (x) giá tính thuế do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, nhân (x) thuế suất.
- Thuế GTGT, bằng (=) GTGT (theo tỷ lệ % GTGT trên doanh thu do Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định áp dụng đối với từng ngành nghề kinh doanh và doanh thu tính thuế ấn định), nhân (x) thuế suất thuế GTGT quy định đối với mặt hàng thủy sản khai thác.
- Thuế TNDN, bằng (=) Thu nhập chịu thuế (theo tỷ lệ % thu nhập chịu thuế trên doanh thu do Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định áp dụng đối với từng ngành nghề kinh doanh và doanh thu tính thuế ấn định), nhân (x) thuế suất thuế TNDN.

b) Doanh thu làm căn cứ xác định tỷ lệ thuế phải nộp là doanh thu tính thuế ấn định tại thời điểm xác định tỷ lệ theo hướng dẫn tại điểm 2.1 mục này.

Trên cơ sở tỷ lệ (%) thuế phải nộp xác định trên đây, Cục Thuế tỉnh, thành phố thông báo cho cơ sở thực hiện kê khai, nộp thuế. Để các cơ sở khai thác chủ động phát triển sản xuất, kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nhà nước thì tỷ lệ thuế phải nộp thông báo cho cơ sở khai thác có thể ổn định trong thời gian 3 - 5 năm; Trừ trường hợp, các chính sách thuế và điều kiện khai thác có biến động lớn thì phải điều chỉnh lại cho phù hợp.

2.3/ Xác định tổng số thuế phải nộp ấn định (bao gồm thuế tài nguyên, thuế GTGT, thuế TNDN) đối với từng cơ sở khai thác, chi tiết theo từng khoản thuế, cả năm và từng kỳ trong năm tính thuế, cụ thể là:

- Số thuế phải nộp cả năm, bằng = Tỷ lệ (%) thuế phải nộp (do Cục Thuế thông báo), nhân (x) với doanh thu tính thuế của năm tính thuế (theo sản lượng khai thác ấn định và giá tính thuế do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm tính thuế).

- Số thuế phải nộp từng kỳ trong năm được xác định trên cơ sở số thuế phải nộp cả năm, chia (:) cho thời gian mùa vụ thực tế hoạt động khai thác thủy sản của năm đó.

Ví dụ: Tỉnh A, thời vụ khai thác thủy sản trong năm là 9 tháng, thì số thuế phải nộp từng tháng bằng (=) tổng số thuế phải nộp cả năm, chia (:) cho 9 tháng.

2.4/ Trên cơ sở các chỉ tiêu đã xác định trên đây, định kỳ hàng năm cơ quan Thuế trực tiếp quản lý cơ sở khai thác có trách nhiệm thông báo cho cơ sở khai thác, đồng gửi Kho bạc nhà nước nơi trực tiếp thu thuế về tỷ lệ tổng số thuế phải nộp (có chi tiết tỷ lệ theo từng khoản thuế), doanh thu tính thuế, số tiền thuế phải nộp cả năm và từng kỳ, kỳ hạn nộp thuế và thời hạn nộp của từng kỳ, địa điểm nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Trường hợp trong năm có biến động, điều chỉnh một trong những chỉ tiêu đã thông báo thì phải có thông báo bổ sung sửa đổi kịp thời.

III- ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI, NỘP THUẾ

1. Theo quy định của Luật, Pháp lệnh thuế hiện hành thì cơ sở khai thác thủy sản phải đăng ký, kê khai, nộp thuế vào ngân sách nhà nước như sau:

a) Tất cả các cơ sở khai thác thủy sản phải đăng ký thuế (môn bài, tài nguyên, GTGT, TNDN và các khoản phải thu khác nếu có) với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý tại địa phương nơi cơ sở khai thác đóng trụ sở chính hoặc nơi chủ hộ khai thác thủy sản đăng ký hộ khẩu thường trú về ngành nghề khai thác, số lượng tàu và công suất của từng tàu hoạt động khai thác, khả năng về lưới cụ, số lao động tham gia hoạt động khai thác, ngư trường dự kiến hoạt động và dự kiến sản lượng thủy sản khai thác hàng năm.v.v..

Ngoài ra, đối với các cơ sở khai thác di chuyển ngư trường khai thác, ngoài ngư trường của địa phương nơi đóng trụ sở chính hoặc đăng ký hộ khẩu thường trú, còn